TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-08-2024
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HÒA BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Lò Văn Dần.

Hội thẩm nhân dân: bà Bùi Thị Nhen; bà Bùi Thị Dung.

- ***Thư ký phiên toà***: bà Bùi Thị Hảo- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà***: ông Đinh Thế Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/06/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/07/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT: xóm B 1, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở hiện nay: xóm S, xã T, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Bị đơn*: anh Bùi Văn T, sinh năm 1993. Cư trú: xóm B 1, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau tháng 06/2022 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã xung đột nên chị L cùng con đã về nhà bố, mẹ đẻ chị L để sinh sống. Vì chị L là con một trong gia đình. Nay chị không còn tình cảm và hy vọng vào cuộc hôn nhân với anh T nên chị xin ly hôn để giải phóng cho cả hai và ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 20/11/2022, hiện cháu K đang sống cùng chị L. Khi ly hôn chị L xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Vì hiện cháu K còn nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Chị L chưa yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Chị L sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi nhu cầu của con thật sự cần thiết.

3. Về tài sản; Công nợ chung: chị L khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị L không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 19/06/2024 của anh Bùi Văn T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L kết trên cơ sở tự nguyện không ép buộc và có sự tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng sống rất hạnh phúc, thi thoảng có cãi vã nhưng không đáng kể. Đến ngày 03/02/2024 chị L tự ôm con đi và không nói gì với anh T. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị L và muốn đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái.

2. Về con chung: Anh T thừa nhận anh và chị L có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 20/11/2022, hiện cháu K lúc ở với mẹ, lúc ở cùng bố. Nếu chị L kiên quyết ly hôn nguyện vọng của anh T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K và chưa yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Công nợ chung: anh T thừa nhận không có.

Phát biểu quan điểm tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Anh T vắng mặt tuy nhiên đã có lời khai chi tiết và không có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L là có cơ sở theo qui định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GĐ năm 2014.

Về con chung: Anh T, chị L có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét yêu cầu của chị L là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GĐ năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: chị L, anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: chị L, anh T khai nhận không có nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Bùi Văn T có nơi cư trú tại xóm B 1, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị L và anh Bùi Văn T: Anh T vắng mặt tại phiên tòa và không có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Chị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do anh T, chị L bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã xung đột và không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân dù đã được gia đình hai bên động viên, khuyên nhủ nhưng không thể đoàn tụ, hai bên không thể tìm được tiếng nói chung.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GĐ năm 2014.

[3]. Về con chung: chị L và anh T có 01 con chung là Bùi Minh K, sinh ngày 20/11/2022. Hiện nay cháu K đang sống cùng chị L. Sau khi ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Quá trình xác minh tại địa phương tại nơi cư trú của anh T (xóm B 1, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình và nơi ở hiện tại của chị L (tại xóm Song Khảnh, xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình) cho thấy: Tại biên bản xác minh anh T, chị L có mâu thuẫn gia đình và chị L cùng cháu K đã chuyển về nhà bố, mẹ đẻ tại xóm Song Khảnh, xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên, xét điều kiện kinh tế, điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị L, anh T là tương đương, anh chị đều đi làm công ty có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định. Cháu K hiện đang còn nhỏ, cần điều kiện chăm sóc, giáo dục, cần sự quan tâm của mẹ nhiều hơn. Xét

quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế cần giao cháu K cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp các Điều 58; 81 Luật HN&GĐ năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị L chưa yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với chị. Chị L sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi nhu cầu của con thật sự cần thiết. Xét điều kiện thực tế của các bên đương sự; Căn cứ các Điều 82; 83; 84 Luật HN&GĐ năm 2014 HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp.

[4] Về tài sản; công nợ chung: chị L, anh T khai nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L về việc:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Bùi Văn T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T;

2. *Về con chung*: Giao cháu Bùi Minh K, sinh ngày 20/11/2022 cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 08/2024 trở đi cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị L chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản; Công nợ chung:* Không có và không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002285 ngày

03/06/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị L không phải nộp án phí nữa.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tống đạt hợp L hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Ân Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lò Văn Dần